

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17-9-2021

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Kim Mến.

2. Ông Lê Trung Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Khải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021; Thông báo dời phiên tòa số 52/TB-TA ngày 19/7/2021 và thông báo mở lại phiên tòa số 65/TB-TA ngày 18/8/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trịnh Ngọc Y**, sinh năm 1992 (Bà Y có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Con từ đủ 7 tuổi trở lên:

Em Trần Duy T, sinh ngày 11/9/2012 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 10 tháng 4 năm 2021, tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 04/6/2021 nguyên đơn bà Trịnh Ngọc Y trình bày:

Bà Trịnh Ngọc Y và ông Trần Văn T cưới nhau năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã cùng nhau, thậm chí ông T còn dùng bạo lực đối với bà, có lần ông T bỏ nhà đi vài tháng mới về nhưng bà vẫn cam chịu ở nhà nuôi con. Tuy nhiên vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm được dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay xét thấy hôn nhân không thể kéo dài nên bà yêu cầu được ly hôn cùng ông Trần Văn T.

- Về con chung: Bà và ông Trần Văn T có 01 người con chung tên Trần Duy T, sinh ngày 11/9/2012 hiện đang sống cùng ông T, khi ly hôn bà đồng ý giao con cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi, bà đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Đối với bị đơn ông Trần Văn T: Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự nhưng ông Trần Văn T vắng mặt không có lý do cũng không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà Trịnh Ngọc Y.

Đối với em Trần Duy T tại biên bản ghi lời khai ngày 04 tháng 6 năm 2021 em có nguyện vọng khi cha mẹ ly hôn thì em được tiếp tục sống với cha là ông Trần Văn T.

Tại phiên tòa hôm nay Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; tại phiên tòa hôm nay bà Y có đơn xin xét xử vắng mặt; đối với bị đơn ông Trần Văn T chưa thực hiện và chấp hành đúng quy định pháp luật do vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải; ông Trần Văn T đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, ông T đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng ông vẫn vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Trịnh Ngọc Y và ông Trần Văn T.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Trịnh Ngọc Y cho bà Trịnh Ngọc Y được ly hôn với ông Trần Văn T. Về con chung tiếp tục giao cháu Trần Duy T, sinh ngày 11/9/2012 cho ông Trần Văn T nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng nuôi con ghi nhận việc bà Trịnh Ngọc Y tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng;

Về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung không có; Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bà Trịnh Ngọc Y có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với ông Trần Văn T đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, ông T đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Trịnh Ngọc Y và ông Trần Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Ngọc Y và ông Trần Văn T cưới nhau năm 2011 ông, bà tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 70/2011 ngày 04/5/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Trịnh Ngọc Y và ông Trần Văn T là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà Trịnh Ngọc Y, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn thì bà Y, ông T sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T không lo cho gia đình, không yêu thương quan tâm đến vợ con, mỗi khi ông sai sỗ về còn đánh, chửi, xúc phạm bà từ đó vợ chồng sống không có hạnh phúc dẫn đến bà Y đã sống ly thân cùng ông T từ năm 2017 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà Y và ông T đã không hạnh phúc dẫn đến bà Y và ông T đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay cũng đã lâu nhưng bà Y và ông T không hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Vì vậy xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà Y và ông T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trịnh Ngọc Y.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Trịnh Ngọc Y và ông Trần Văn T có 01 đứa con chung tên Trần Duy T, sinh ngày 11/9/2012, hiện đang sống với ông Trần Văn T. Khi ly hôn bà Y đồng ý nhường quyền nuôi con tên Trần Duy T cho ông T nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Xét thấy, từ khi bà Trịnh Ngọc Y và ông Trần Văn T sống ly thân cùng nhau đến nay thì cháu Trần Duy T sống chung cùng ông T, bà Y cũng đồng ý để em Trần Duy T được tiếp tục sống cùng ông T đồng thời tại biên bản ghi lời khai ngày 04/6/2021 thì em T có nguyện vọng được sống cùng ông T nhằm để tránh cuộc sống hiện tại của em Trần Duy T không bị xáo trộn, không làm ảnh hưởng đến tâm lý và ổn định việc học của em T nên cần tiếp tục giao em Trần Duy T cho ông Trần Văn T được quyền tiếp tục nuôi đến đủ 18 tuổi.

[5] Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của bà Trịnh Ngọc Y cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000 đồng đến khi em Trần Duy T đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[7] Nợ chung: Không có.

[8] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Trịnh Ngọc Y phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Ngọc Y được ly hôn với ông Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao cho ông Trần Văn T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con tên Trần Duy T, sinh ngày 11/9/2012 đến đủ 18 tuổi; bà Trịnh Ngọc Y được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của bà Trịnh Ngọc Y cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000 đồng đến khi em Trần Duy T, sinh ngày 11/9/2012 đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trịnh Ngọc Y phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008212 ngày 26/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên; bà Y phải nộp thêm 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát NDHMX;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự HMX;
- UBND nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Nhiệm